

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 26/2016/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 04 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Quy định mức học phí, học phí học các môn tự chọn
đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên
từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021 của tỉnh Ninh Bình**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: S.....
Ngày: ..12/8.....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ trưởng Bộ Tài chính – Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 15/7/2016 về việc ban hành Nghị quyết Quy định mức học phí; học phí học các môn tự chọn đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 của tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí, học phí học các môn tự chọn đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 của tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Mức học phí, học phí học các môn tự chọn đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

a) Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Mức học phí năm học 2016-2017

Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng

STT	Bậc học	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn		Khu vực miền núi
			Vùng Đồng bằng	Vùng các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn	
1	Mầm non				
	Nhà trẻ	120	75	50	50
	Mẫu giáo	100	65	45	45
2	Trung học cơ sở	95	50	35	35
3	Trung học Phổ thông	115	75	45	45

Từ năm học 2017- 2018 trở đi, hàng năm, căn cứ mức tăng bình quân chỉ số giá tiêu dùng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp.

b) Mức học phí các môn tự chọn (áp dụng chung cho cả 3 khu vực)

Mức học phí các môn tự chọn năm học 2016-2017

Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng

STT	Môn học tự chọn	Giáo dục tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Giáo dục thường xuyên
1	Giáo dục công dân				10
2	Tin học	17			22
3	Tiếng Anh				30
4	Học nghề		30	35	35

Từ năm học 2017-2018 trở đi, mức học phí các môn tự chọn được điều chỉnh phù hợp với mức tăng lương cơ sở do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Các cơ sở giáo dục thường xuyên: Được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học theo quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này.

d) Học phí cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ngoài công lập được tự quyết định mức học phí trên cơ sở cân đối đảm bảo chi phí cho giảng dạy, học tập.

2. Quy định về khu vực

a) Khu vực thành thị

Học sinh có hộ khẩu thường trú tại phường: Tân Thành, Nam Thành, Văn Giang, Ninh Phong, Nam Bình, Thanh Bình, Ninh Khánh, Phúc Thành, Đông Thành, Ninh Sơn, Bích Đào của Thành phố Ninh Bình.

b) Khu vực nông thôn

Học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn: Ninh Tiến, Ninh Phúc của thành phố Ninh Bình; Ninh An, Ninh Giang, Ninh Khang, Ninh Mỹ, Thị trấn Thiên Tôn của huyện Hoa Lư; Gia Phú, Thị trấn Me, Gia Thắng, Gia Tiến, Gia Tân, Gia Trung, Gia Phong, Gia Lạc, Gia Trấn, Gia Xuân, Gia Lập của huyện Gia Viễn; Khánh Hòa, Khánh Phú, Khánh An, Khánh Cư, Khánh Vân, Thị trấn Yên Ninh, Khánh Hải, Khánh Lợi, Khánh Tiên, Khánh Thiện, Khánh Hồng, Khánh Hội, Khánh Nhạc, Khánh Mậu, Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh Thành, Khánh Công, Khánh Thủy của huyện Yên Khánh; Yên Hưng, Thị trấn Yên Thịnh, Khánh Thịnh, Yên Từ, Khánh Dương, Yên Phong, Yên Nhân, Yên Mỹ của huyện Yên Mô; Văn Hải, Yên Mật, Yên Lộc, Kim Chính, Kim Định, Như Hòa, Chính Tâm, Ân Hòa, Định Hóa, Thị trấn Bình Minh, Thượng Kiêm, Đồng Hương, Chát Bình, thị trấn Phát Diệm, Tân Thành, Hùng Tiến, Lưu Phương, Quang Thiện, Lai Thành, Hối Ninh, Xuân Thiện của huyện Kim Sơn.

Học sinh có hộ khẩu thường trú tại địa bàn các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn: Kim Tân, Kim Mỹ, Cồn Thoi, Kim Hải, Kim Trung, Kim Đông của huyện Kim Sơn được áp dụng mức thu bằng mức thu của khu vực miền núi.

c) Khu vực miền núi

Học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn: Ninh Nhất của thành phố Ninh Bình; Ninh Vân, Ninh Thắng, Ninh Hải, Ninh Xuân, Trường Yên, Ninh Hòa của huyện Hoa Lư; Gia Hòa, Gia Hưng, Liên Sơn, Gia Thịnh, Gia Vượng, Gia Minh, Gia Thanh, Gia Vân, Gia Phương, Gia Sinh của huyện Gia Viễn; Xích Thổ, Gia Sơn, Gia Thủy, Gia Tường, Đức Long, Gia Lâm, thị trấn Nho Quan, Lạc Vân, Phú Sơn, Thạch Bình, Đồng Phong, Lạng Phong, Văn Phong, Văn Phương, Yên Quang, Cúc Phương, Thượng Hòa, Văn Phú, Kỳ Phú, Phú Long, Phú Lộc, Quỳnh Lưu, Quảng Lạc, Sơn Hà, Sơn Lai, Sơn Thành, Thanh Lạc của huyện Nho Quan; Bắc Sơn, Nam Sơn, Trung Sơn, Đông Sơn, Quang Sơn, Yên Bình, Yên Sơn, Tân Bình, Tây Sơn của thành phố Tam Điệp; Yên Hòa, Mai Sơn, Yên Thành, Yên Lâm, Yên Thái, Yên Thắng, Khánh Thượng, Yên Đồng, Yên Mạc của huyện Yên Mô.

3. Thời gian thu học phí

a) Giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên: Thu theo số tháng thực học.

b) Giáo dục phổ thông: Thu 9 tháng/năm học.

c) Học phí các môn tự chọn: Thu theo số tháng thực học (riêng học phí học nghề trung học cơ sở thu 6 tháng/năm học, học phí học nghề phổ thông trung học thu 9 tháng/năm học).

Điều 2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 04/8/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2016.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, GD&ĐT, LĐTB&XH;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện, thành ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, thị trấn;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng